

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 53/2021/DS - PT

Ngày 18 - 6 - 2021

V/v “Kiện đòi tài sản”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Lê Thu Hương

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Lữ Thị Phương Quý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại T. sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H - sinh năm: 1970, có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố H, TT H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị H:

Ông Nguyễn Tiến Trung – Luật sư Công ty Luật TNHH Trung Nguyễn, thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội; có mặt.

Địa chỉ: Phòng 102 – D10, phố Thái Thịnh, Thịnh Quang, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T - sinh năm: 1976, có mặt.

Bà Lê Thị T - sinh năm: 1977, có mặt.

Đều trú tại: Tổ dân phố Phong Ý, TT H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn T:

Ông Tổng Chí Cường và ông Vũ Tuấn Minh – Luật sư – Văn phòng Luật sư Tổng thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội; ông Cường có mặt, ông Minh vắng mặt.

Địa chỉ: Số 5 ngõ 149 Giảng Võ, pH Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1964, vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố H, TT H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Phạm Tuấn A, sinh năm: 1991, vắng mặt

Trú tại: Tổ dân phố H, TT H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Phạm Trung T, sinh năm: 1943. (Đã chết). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Lê Thị C (Vợ ông T).

- Bà Lê Thị C, sinh năm: 1947.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Phạm Văn T - sinh năm: 1976, có mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/5/2021).

Cùng trú tại: Tổ dân phố Phong Ý, TT H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1994, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Phong Ý, TT H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 19/7/2019 bà mua thửa đất số A – B 001280 do UBND huyện Cẩm Thủy cấp ngày 03/10/2005 tại địa chỉ thôn Phong Ý, xã C nay thuộc thị trấn H, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của ông Phạm Văn T và bà Lê Thị T. Với tổng diện tích trong sổ đỏ là 238m² nhưng trên thực tế khi đo đạc là 237m². Vị trí thửa đất: Phía trước tiếp giáp đường quốc lộ 217, mặt tiền là 5m, chiều dài thửa đất là 49m, phía sau thửa đất là 4,7m và mục đích sử dụng là đất ở.

Sau khi hai bên lên UBND xã C làm thủ tục sang tên giấy tờ đất, ông T có ký nhận đã nhận đủ số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và ông T đã xin bà cho ở lại thêm 03 tháng để thu xếp tháo dỡ các công trình đang sử dụng trên đất để giải phóng mặt bằng cho bà và bà đã đồng ý. Sau 03 tháng ông T đã giải phóng mặt bằng, bà có mời ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đến làm thủ tục vay vốn trên giấy tờ chuyển nhượng đất giữa bà và ông T. Nhưng đến tháng 01/2020, bà thấy ông T lại xây dựng nhà mới trên khu đất bà đã mua. Bà yêu cầu ông T tháo dỡ công trình và trả lại đất cho bà nhưng ông T không đồng ý. UBND xã C đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại diện tích đất nêu trên cho bà. Diện tích đất bà mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02833, diện tích 237m² thửa đất 265 tờ bản đồ

số 14 bản đồ địa chính 1/2000, ngày 22/10/2019. Ngày 03/8/2020, bà H có đơn bổ sung đơn khởi kiện: Bà yêu cầu ông T trả cho chị số tiền 4.000.000đ/tháng trong thời gian ông T ở trên đất của bà (Bà chỉ cho ông T 04 tháng để thu xếp tháo dỡ, chuyển đồ). Ông T phải trả tiền án phí, thẩm định giá đất, chi phí cưỡng chế tháo dỡ. Yêu cầu ông T phải trả cho bà tiền xăng xe, tiền công 300.000đ/ngày khi bà đi đến Tòa giải quyết vụ án. Yêu cầu ông T và bà T trả lại hiện trạng ban đầu để trả đất cho bà, phần thân đất phải thấp hơn mặt đường 30 phân, móng nhà xây bằng đá thì phải đào bới không được để lại bất cứ thứ gì như giải phóng mặt bằng.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Do điều kiện gia đình khó khăn nên qua các mối quan hệ xã hội ông T có quen biết anh Tuấn A (con trai của bà H) có cho vay tiền lãi cao và ông đã có đề xuất muốn vay tiền từ anh Tuấn A. Tuy nhiên, tại thời điểm ông hỏi vay anh Tuấn A nói sẽ suy nghĩ thêm rồi có gì sẽ trả lời sau và vào khoảng tháng 7/2019 anh Tuấn A có nhắn qua anh L (hàng xóm của anh), nếu muốn vay tiền thì đến gặp trực tiếp để bàn bạc hình thức vay tiền cụ thể. Sau khi gặp anh Tuấn A có nói ông và gia đình phải ký vào hợp đồng chuyển nhượng, quyền sử dụng đất thửa đất mà gia đình ông đang sử dụng số 05, tờ bản đồ số 04, tại Thôn Phong Ý, xã C (nay thuộc thị trấn H), huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích là 237m² cho bà Trần Thị H thì sẽ vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Anh Tuấn A nói làm như vậy chỉ là hình thức làm tin phòng trừ trường hợp ông không trả được gốc và lãi cho anh thì sẽ sang tên sổ đỏ. Còn nếu ông và gia đình trả được đủ gốc và lãi như đã thỏa thuận thì sẽ hủy hợp đồng chuyển nhượng và chuyển giao lại sổ đỏ của gia đình nên ông đã đồng ý. Do ông nghĩ cùng thị trấn với nhau và nơi quen biết nên anh đồng ý thực hiện các thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H để vay 200.000.000 đồng. Khi hoàn chỉnh đầy đủ giấy tờ vay thì hai bên về lại quán cà phê Thu Hà (tại đầu cầu Cẩm Thủy) để nhận tiền và ông đã ký nhận đủ số tiền là 200.000.000 đồng, nhưng trên thực tế ông nhận 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng) do anh Tuấn A nói đã trừ đi 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tiền lãi tháng đầu tiên và trừ đi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền chi phí làm thủ tục giấy tờ chuyển nhượng đất và hàng tháng cứ đến ngày 19 ông và gia đình phải trả lãi đúng hẹn.

Trong quá trình vay, ông và gia đình đã thực hiện đúng thỏa thuận trả lãi hàng tháng và anh Tuấn A đã nhận 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền lãi đến tháng 2/2020. Đến khoảng tháng 12/2019 ông và gia đình có đặt vấn đề hoàn trả cả gốc lẫn lãi để lấy lại sổ đỏ của gia đình nhưng anh Tuấn A nói đã sang tên sổ đất cho bà H (Mẹ của anh Tuấn A), mang đi thế chấp ngân hàng. Thấy vậy ông đã yêu cầu anh Tuấn A và bà H thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng vay tiền chứ không phải bán đất như bà H nói nhưng bà H không thực hiện. Vì mục đích khi ký nhận hợp đồng chuyển nhượng đất là để che giấu việc vay tiền lãi cao chứ ông và gia đình không có ý định bán đất cho bà H. Tuy nhiên, anh Tuấn A và bà H đã có hành vi lừa dối chiếm đoạt tài sản của ông nên ông yêu cầu bà H trả lại sổ đỏ thửa đất cho gia đình ông. Ông T và bà T không nhất trí về việc bà H trình bày là mua bán đất và không nhất trí trả đất. Đồng thời ông T có đơn phản tố, ông cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giả tạo: Vì giá đất của gia

định ông theo QĐ số 44/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, ngày 23/12/2019 là $3.000.000đ \times 238m^2 = 714.000.000đ$, giá đất thực tế lớn hơn nhiều so với quy định của Nhà nước. Vậy lý do gì ông lại bán đất cho bà H với giá là 200.000.000đ. Việc ông vay nợ với anh Tuấn A là có thật và trả lãi cao hàng tháng, trong đó có 01 tháng ông chuyển tiền qua anh L là nhân viên của anh Tuấn A. Quá trình làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gia đình ông đều không có ý định bán đất vì đây là đất hương hỏa tổ tiên để xây nhà thờ họ. Mọi giao dịch liên quan đến thửa đất, thì cả bà H và bà T đều là người thực hiện theo hướng dẫn của ông và anh Tuấn A tại quán cà phê chứ hai người không có ý chí thực hiện giao dịch này bởi cả hai đều hiểu rằng đây là giao dịch giả tạo nhằm che dấu giao dịch vay tiền giữa ông và anh Tuấn A. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trần Thị H số H02833 do UBND huyện Cẩm Thủy cấp ngày 22/10/2019, buộc bà H thực hiện các thủ tục pháp lý hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, đề nghị tiếp tục thực hiện thỏa thuận vay tài sản giữa ông và anh Phạm Tuấn A.

Bà Lê Thị T thống nhất với những nội dung ý kiến ông T đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ông là người có tên trong hồ sơ vay vốn ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu ông ký tên vì ông có cửa hàng kinh doanh sửa chữa đồ điện gia dụng. Việc vợ ông (bà H) mua bán đất thì ông biết, không được ký, không liên quan. Nhưng theo quy định của pháp luật, tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, giải phóng mặt bằng và trả lại tài sản cho vợ chồng ông.

Anh Phạm Tuấn A trình bày: Qua việc tranh chấp bất động sản giữa mẹ anh và ông T, bà T. Theo anh, việc ông T trình bày anh cho ông T vay nặng lãi số tiền 180.000.000đ, hàng tháng đóng tiền lãi 16.000.000đ, gửi qua anh L là không đúng, vu khống cho anh. Việc mua bán đất của mẹ anh với ông T, bà T anh không liên quan. Còn những lời khai khống của ông T, anh yêu cầu ông T bồi tH danh dự cho anh 500.000.000đ. Nếu Tòa án không đủ thẩm quyền giải quyết thì gửi về công an huyện để điều tra, khởi tố vụ án ông T vu khống cho anh vay nặng lãi cao.

Bà Lê Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ của ông T. Năm 2005, vợ chồng bà cho ông T, bà T diện tích đúng như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đã nộp cho Tòa án. Thủ tục cho con đất do địa chính làm. Việc ông T, bà T bán đất cho người khác, giá cả thế nào bà không biết. Đất đai bố mẹ cho để ở, rồi sau này xây nhà thờ chứ không được bán. Bố mẹ cho con chỉ nói vậy, chứ không có giấy tờ gì. Bà cũng không biết ông T bán đất hay vay mượn gì của ai cả. Sau khi cho con đất, ông bà sống chung cùng với vợ chồng ông T, cuộc sống ổn định cho đến nay. Đến cuối năm 2019, vợ chồng ông T đã xây nhà mới trên đất. Đối với ông Phạm Trung T là chồng bà, ông T đã chết ngày 02/12/2020 nên gia đình hợp cử bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho ông T và bà T.

Đối với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) Chi nhánh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày diện tích đất có tranh chấp đang

thể chấp cho ngân hàng để vay vốn nên Tòa án xác định ngân hàng VPBank tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng đến ngày 09/11/2020, bà H nộp giấy xác nhận tất toán của ngân hàng VPBank. Do đó, ngân hàng VPBank không có quyền lợi, nghĩa vụ gì nữa, không tham gia tố tụng khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn L trình bày: Giữa anh với ông T, bà T là quan hệ hàng xóm với nhau. Giữa anh và anh Phạm Tuấn A là bạn bè chơi với nhau. Còn bà Trần Thị H là mẹ đẻ của anh Tuấn A, do anh hay sang nhà chơi và đi làm cho anh Tuấn A nên biết. Việc tranh chấp đất đai của bà H, ông T, bà T anh không biết. Còn ông T và anh Tuấn A biết nhau khi cùng đến nhà anh chơi ngày Noen và gặp nhau, làm quen xin số điện thoại của nhau và nói chuyện gì anh không biết. Anh chưa bao giờ nói chuyện với bà H, ông T, bà T về việc đất đai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà T với bà H là vô hiệu. Vì các lý do sau: Đây là hợp đồng giả tạo để nhằm che giấu giao dịch khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T không đúng trình tự quy định của pháp luật, hợp đồng không thể thực hiện được vì trước khi hai bên giao kết hợp đồng có tài sản gắn liền trên đất là nhà, bà H khẳng định không chuyển nhượng tài sản trên đất. Nhà (tài sản trên đất) và đất là tài sản phải thống nhất với nhau, không thể tách rời nên hợp đồng sai về đối tượng. Các bên chưa bàn giao tài sản cho nhau nên vẫn thuộc quyền sở hữu của ông T. Và tại thời điểm chuyển nhượng, bố mẹ ông T vẫn ở chung cùng với anh T. Các bên tham gia hợp đồng không ký nhận trước công chứng viên, không thực hiện theo đúng quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS- ST ngày 01/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy đã quyết định:

Áp dụng: Điều 158, 163, 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 157 và 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, buộc anh Phạm Văn T và chị Lê Thị T phải trả lại cho chị Trần Thị H diện tích đất ở 237m² thửa số 265 tờ bản đồ 14, bản đồ địa chính đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Trần Thị H. Vị trí đất như sau: Cạnh giáp đường Quốc lộ 217 là 5,0m. Cạnh giáp hộ ông Phạm Văn Tùng là 49m. Cạnh giáp hộ ông Vũ Đình Lượng là 49m. Cạnh giáp bãi thôn Phong Ý là 4,7m. (Có sơ đồ kèm theo).

Chị H có trách nhiệm trả lại cho gia đình anh T giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất là 232.825.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị H không thực hiện nghĩa vụ phải trả như trên, anh T và chị T có đơn yêu cầu thi hành án, thì chị H phải chịu

thêm khoản tiền lãi về số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 - BLDS năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 03/3/2021, nguyên đơn là bà Trần Thị H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc phải mua lại nhà và vật kiến trúc của ông T đã xây dựng trái pháp luật. Bà H đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Giải phóng mặt bằng tháo dỡ ngôi nhà mới xây để trả lại hiện trạng đất.

* Ngày 11/3/2021, bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Lê Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS- ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy. Xét xử lại vụ việc theo đúng quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

* Ngày 26/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS- ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm VKSND tỉnh Thanh Hóa không rút kháng nghị, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn tự tháo dỡ ngôi nhà mới xây trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đồng ý với kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS, hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa và nội dung kháng cáo của bị đơn:

Ngày 11/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy thụ lý vụ án “Kiện đòi tài sản” giữa bà H và vợ chồng ông T, bà T. Ngày 24/6/2020, bị đơn là ông Phạm Văn T có đơn phản tố (BL 60) với 03 nội dung:

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị H, thửa đất số 265, tờ bản đồ số 14, do UBND huyện Cẩm Thủy cấp ngày 22/10/2019;
- Buộc bà Trần Thị H thực hiện các thủ tục pháp lý hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông;
- Tiếp tục thực hiện thỏa thuận vay tài sản giữa ông và anh Phạm Tuấn A.

Xét thấy, đơn phản tố của bị đơn nộp trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các nội dung trong đơn phản tố của bị đơn thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 200 của BLTTDS. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm nhận định: “*..yêu cầu của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố mà xác định đó là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn*” là không chính xác. Sau khi nhận đơn phản tố của bị đơn cấp sơ thẩm không làm thủ tục phản tố theo quy định tại Điều 202 BLTTDS nhưng vẫn đưa anh Phạm Tuấn A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án kiện đòi tài sản là mâu thuẫn; vì anh Tuấn A không liên quan đến việc kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên thống nhất quan điểm của Đại diện VKS tỉnh Thanh Hóa và chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm; căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 của BLTTDS.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Các nội dung kháng cáo của nguyên đơn sẽ được xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm bị hủy nên nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xử lý khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H, ông Phạm Văn T, bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Bà Trần Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0003747 ngày 12/3/2021; trả lại cho ông Phạm Văn T, bà Lê Thị T mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0003750 ngày 19/3/2021 và AA/2019/0003451 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

CÁC THẨM PHÁN

PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Lê Thị Thủy

THẨM
TÒA

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Thủy

